

Số: 449/2024/QĐST-DS

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án về dân sự của
Tòa án nước ngoài

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Quách Hữu Thái.

Các Thẩm phán: Ông Sỹ Hồng Nam.

Bà Mai Trần Cảnh.

Thư ký phiên họp: Ông Hoàng Minh Hải - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Kim Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 219/2023/TLST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2023 về việc “Yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án về dân sự của Tòa án nước ngoài” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 3028/2024/QĐST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên họp sơ thẩm số: 8809/2024/QĐST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Công ty M.Ltd

Trụ sở: 10 Collyer Quay, #10-01 Ocean F, S.

Người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/ Bà Nguyễn Phương N, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Và/hoặc

2/ Ông Dương Anh L, sinh năm 1996 (vắng mặt)

Và/hoặc

3/ Ông Nguyễn Hữu V, sinh năm 1994 (có mặt).

Cùng địa chỉ: P, tầng D M, số C L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Giấy ủy quyền lập ngày 06/02/2023 được chứng nhận/hợp pháp hóa lãnh sự ngày 10/2/2023 tại Đ tại Cộng hòa X – ga – po).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lưu Văn N1, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: Số A T, phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Địa chỉ tạm trú: Số A L, khu phố C, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án về dân sự của Tòa án nước ngoài của Marina Bay S.Ltd, bản tường trình của người đại diện hợp pháp của người yêu cầu là ông Nguyễn Hữu V:

Marina Bay S.Ltd (sau đây gọi là Công ty M1) là một Công ty tư nhân trách nhiệm hữu hạn theo cổ phần được thành lập và hoạt động tại nước Cộng hòa X – ga – po (sau đây gọi là Singapore), theo Giấy chứng nhận tư cách pháp nhân số 200507292R do Cơ quan Quản lý Kế toán và Doanh nghiệp (ACRA) Singapore cấp ngày 27/5/2005 và có trụ sở đăng ký kinh doanh tại 10 Collyer Q, #10-01 Ocean F, Singapore 049315 được đại diện bởi ông Faris A.

Căn cứ vào phán quyết có hiệu lực đối với vụ việc số: HC/S 613/2020, hồ sơ số: HC/JUD 477/2020 của Tòa án cấp cao Singapore, Công ty M1 là bên được thi hành bản án và ông Lưu Văn N1, số hộ chiếu Việt Nam: C6439881; địa chỉ thường trú: Số A T, phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai là bên phải thi hành. Theo đó, ông Lưu Văn N1 có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty M1 số tiền dư nợ tín dụng là 1.300.000 SGD (một triệu ba trăm nghìn đô la Singapore) cùng tiền lãi phát sinh trên số dư nợ tín dụng với lãi suất 12% một năm tính từ ngày 14 tháng 12 năm 2019 đến ngày hoàn trả và chi phí 5.557,87 SGD (năm nghìn năm trăm năm mươi bảy đô la Singapore và tám mươi bảy xu). Phán quyết được ban hành theo Lệnh 13 Singapore và có hiệu lực ngày 25/9/2020.

***Tại phiên họp sơ thẩm:**

- Đại diện theo ủy quyền của Công ty M1 giữ nguyên yêu cầu, ý kiến.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

+ Quá trình thụ lý hồ sơ và tại phiên họp, Thẩm phán chủ tọa phiên họp, các Thẩm phán giải quyết việc, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật.

+ Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự, có đủ cơ sở chấp nhận các yêu cầu của Công ty M1 về việc công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án về dân sự của Tòa án Singapore theo nguyên tắc có đi có lại. Đề nghị Hội đồng phiên họp chấp nhận yêu cầu của Công ty M1 công nhận và cho thi hành phán quyết có hiệu lực pháp luật theo Lệnh 13 ngày 25/9/2020 của Tòa án cấp cao Singapore đối với vụ việc số: HC/S 613/2020, hồ sơ số: HC/JUD 477/2020 về các nghĩa vụ của ông Lưu Văn N1 phải thực hiện đối với Công ty M1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

[1.1] Công ty M1 yêu cầu công nhận phán quyết có hiệu lực theo Lệnh 13 ngày 25/9/2020 của Tòa án cấp cao Singapore đối với vụ việc số: HC/S 613/2020, hồ sơ số: HC/JUD 477/2020 tại Việt Nam. Đây là loại yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án về dân sự của Tòa án nước ngoài, được quy định tại khoản 5 Điều 27 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

[1.2] Người phải thi hành bản án theo yêu cầu là ông Lưu Văn N1 cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh (theo xác minh của Công an phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh thì ông Lưu Văn N1 có đăng ký tạm trú và thực tế cư trú tại địa chỉ 1 L, khu phố C, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh), nên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền thụ lý giải quyết theo quy định tại khoản 5 Điều 27, điểm b khoản 1 Điều 37, điểm d khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Thẩm quyền của Hội đồng trong việc xét đơn yêu cầu: Hội đồng chỉ kiểm tra, đối chiếu phán quyết có hiệu lực theo Lệnh 13 ngày 25/9/2020 của Tòa án cấp cao Singapore đối với vụ việc số: HC/S 613/2020, hồ sơ số: HC/JUD 477/2020 và các giấy tờ kèm theo đơn yêu cầu với các quy tại Chương XXXV và Chương XXXVI của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, các quy định khác có

liên quan của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế. Hội đồng không xét xử lại vụ án hay bản án đã được Tòa án cấp cao Singapore ban hành, theo khoản 4 Điều 438 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về giải quyết vắng mặt đương sự:

Ông **Lưu Văn N1** được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý việc dân sự số 219/TB-TLVDS ngày 08/5/2023, triệu tập đến Tòa án để trình bày ý kiến nhưng ông **N1** không có mặt theo triệu tập. Tòa án ban hành Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 3028/2024/QĐST-DS ngày 05/6/2024, thực hiện việc tổng đạt bằng hình thức niêm yết công khai Quyết định mở phiên họp và giấy triệu tập ông **N1** tham gia phiên họp vào ngày 24/6/2024, nhưng ông **N1** vẫn vắng mặt nên Hội đồng quyết định hoãn phiên họp. Tòa án tiến hành tổng đạt bằng hình thức niêm yết công khai Quyết định hoãn phiên họp dân sự sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 8809/2024/QĐST-DS ngày 24/6/2024, triệu tập ông **N1** đến tham gia phiên họp giải quyết việc dân sự vào các ngày và 22/7/2024, nhưng ông **Lưu Văn N1** vắng mặt, không có lý do nên Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt ông **Lưu Văn N1** theo quy định tại khoản 3 Điều 438 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thời hiệu xem xét yêu cầu:

Phán quyết của Tòa án cấp cao Singapore được ban hành theo Lệnh 13 ngày 25/9/2020. Ngày 21/02/2023, **Công ty M1** nộp đơn yêu cầu công nhận bản án của Tòa án cấp cao Singapore tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, nên còn trong thời hiệu 03 năm để yêu cầu công nhận bản án nước ngoài theo quy định tại Điều 432 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về nội dung vụ việc và yêu cầu của đương sự:

[2.1] Xét thấy, thẩm quyền giải quyết vụ án tranh chấp giữa **Công ty M1** và ông **Lưu Văn N1** đối với hợp đồng tín dụng ký ngày 05/10/2018 và các phụ lục kèm theo hợp đồng tín dụng là không thuộc trường hợp thẩm quyền riêng biệt của Tòa án Việt Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 470 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2.2] Quan hệ tranh chấp nêu trên cũng chưa được thụ lý, giải quyết bởi Tòa án Việt Nam.

[2.3] Các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng rằng: Bên cho vay có thể khởi kiện liên quan đến bất kỳ tranh chấp nào với bên vay tại Singapore hoặc, theo toàn quyền quyết định của bên cho vay, một vùng lãnh thổ khác; luật

điều chỉnh đối với hợp đồng tín dụng là pháp luật của Singapore mà không xét đến bất kỳ nguyên tắc xung đột pháp luật nào.

Do đó, Tòa án cấp cao Singapore thụ lý giải quyết là hoàn toàn phù hợp với thỏa thuận giữa các bên và không trái với nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam.

[2.4] Về tài liệu kèm theo đơn yêu cầu:

Bên yêu cầu được thi hành đã cung cấp đơn yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án về dân sự của Tòa án nước ngoài và giao nộp đầy đủ các tài liệu kèm theo được hợp pháp hóa lãnh sự và được gửi kèm bản dịch tiếng Việt đã được chứng thực, công chứng hợp pháp theo quy định tại Điều 434 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bao gồm: Bản trích lục phán quyết theo Lệnh 13 ngày 25/9/2020 của Tòa án cấp cao Singapore đối với vụ việc số: HC/S 613/2020, hồ sơ số: HC/JUD 477/2020 do Viên lục sự của Tòa án Tối cao Singapore Teh Hwee Hwee ký; Lệnh của Tòa án lập ngày 27/7/2020 cho phép phía nguyên đơn tổng đạt một bản sao Giấy triệu tập, đơn khởi kiện, lệnh tổng đạt văn bản ra ngoài Singapore bằng dịch vụ bưu chính cho ông **Lưu Văn N1** địa chỉ tại **A T, phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai, Việt Nam** hoặc địa chỉ khác tại Việt Nam và có xác nhận việc tổng đạt đảm bảo theo quy định của pháp luật Singapore; Giấy chứng nhận công chứng lập ngày 07/02/2023 thể hiện phía nguyên đơn đã tổng đạt một bản sao trích lục phán quyết theo Lệnh 13 ngày 25/9/2020 của Tòa án cấp cao Singapore đối với vụ việc số: HC/S 613/2020, hồ sơ số: HC/JUD 477/2020 bằng dịch vụ bưu chính cho ông **Lưu Văn N1** và có xác nhận việc tổng đạt đảm bảo theo quy định của pháp luật Singapore.

Các loại giấy tờ, tài liệu này phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 434 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tổng đạt như trên là phù hợp với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 434 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tổng đạt đã được thực hiện qua đường bưu chính theo địa chỉ ghi nhận trên hợp đồng và địa chỉ này là địa chỉ thường trú của ông **N1** tại Việt Nam và việc xét xử vắng mặt ông **N1**, là không trái với nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam về phương thức và địa chỉ tổng đạt, cũng như nguyên tắc về của tố tụng dân sự về xét xử vắng mặt quy định tại điểm d khoản 1 Điều 434 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nội dung phán quyết của bản án Tòa án cấp cao Singapore về nghĩa vụ trong hợp đồng tín dụng và lãi suất là không trái với nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam về xử lý hợp đồng tín dụng.

[2.5] Giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa X – ga – po chưa ký kết Hiệp định tương trợ tư pháp quy định về công nhận và cho thi hành bản án, quyết định của nhau. Việt Nam và Singapore cũng chưa là thành viên điều ước quốc tế đa phương về công nhận và cho thi hành bản án, quyết định dân sự, kinh doanh thương mại nên việc xét đơn yêu cầu của Công ty M1 được thực hiện trên nguyên tắc có đi có lại giữa Việt Nam và Singapore theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 423 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và không được trái với những nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam. Hội đồng phiên họp xét thấy mặc dù chưa có tài liệu nào cho thấy S đã từng công bản án của Việt Nam có hiệu lực và thi hành tại Singapore, nhưng giữa Việt Nam và S cùng là thành viên A1, có quan hệ Đối tác chiến lược, nên cần áp dụng nguyên tắc có đi có lại để công nhận và cho thi hành bản án của Singapore tại Việt Nam, cũng như mở màn cho việc áp dụng nguyên tắc có đi có lại giữa Việt Nam và Singapore.

[2.6] Mặt khác, ông Lưu Văn N1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, được tổng đạt thông báo thụ lý, biết được yêu cầu công nhận bản án của Công ty M1 nhưng ông N1 vẫn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và không có ý kiến phản đối. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì việc “không phản đối” của ông N1 là tình tiết mà người yêu cầu là Công ty M1 không phải có nghĩa vụ chứng minh.

Như đã phân tích, việc công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án của Singapore là không trái với những nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam, nên chấp nhận đơn yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Việt Nam của Công ty M1 đối với phán quyết theo Lệnh 13 ngày 25/9/2020 của Tòa án cấp cao Singapore đối với vụ việc số: HC/S 613/2020, hồ sơ số: HC/JUD 477/2020.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét đơn nên chấp nhận.

[3] Về lệ phí yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án về dân sự của Tòa án nước ngoài: Công ty M1 phải chịu theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 27; điểm b khoản 1 Điều 37; điểm d khoản 2 Điều 39; khoản 2 Điều 92; Điều 423, Điều 425, Điều 432, Điều 434, Điều 438, Điều 442, Điều 470 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 38 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án về dân sự của Tòa án nước ngoài theo yêu cầu của **Marina Bay S.Ltd**.

Công nhận và cho thi hành tại Việt Nam Phán quyết theo Lệnh 13 ngày 25/9/2020 của Tòa án cấp cao nước **Cộng hòa X-ga-po** đối với vụ việc số: HC/S 613/2020, hồ sơ số: HC/JUD 477/2020, giữa bên được thi hành là **Marina Bay S.Ltd** và bên phải thi hành là ông **Lưu Văn N1**.

2. Lệ phí công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án về dân sự của Tòa án nước ngoài: Là 3.000.000đ (Ba triệu đồng) **Marina Bay S.Ltd** phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền lệ phí 3.000.000đ (Ba triệu đồng) mà **Marina Bay S.Ltd** đã nộp theo Biên lai thu số 0041522 ngày 05/5/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu có mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo kể từ nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định đó được thông báo, niêm yết; Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp và Viện kiểm sát cấp trên có quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

4. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- Bộ Tư pháp;
- TAND cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- Cục THADS Tp. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

(đã ký)

Quách Hữu Thái